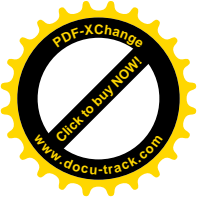
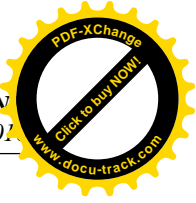




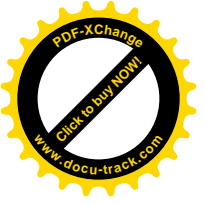
**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ  
Báo cáo tài chính**

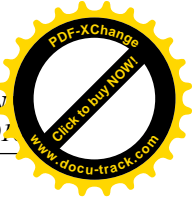
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**





<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 25,74% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2010: 10.000.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

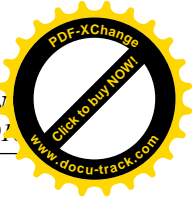
### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |          |  |
|-------------------------|----------|--|
| • Ông Trần Nhật Tân     | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010                           |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010                           |
| • Ông Lê Quang Dũng     | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010                           |
| • Ông Nguyễn Văn Thuận  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008<br>Miễn nhiệm ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Văn Thắng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010                           |
| • Ông Nguyễn Hải Châu   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010                               |



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **Ban kiểm soát**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Phương     | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Nguyễn Hồng Ánh  | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010     |

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                         |                |  |
|-------------------------|----------------|--|
| • Ông Trần Nhật Tân     | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004<br>Miễn nhiệm ngày 04/05/2010 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004<br>Miễn nhiệm ngày 04/05/2010 |
|                         | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010                               |
| • Ông Trần Văn Thắng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010                           |
| • Ông Lê Quang Dũng     | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010                           |

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

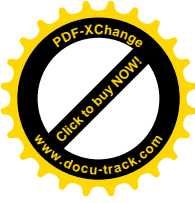
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Ngô Thị Thanh Bình**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011*



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
 THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL  
 Trụ sở chính  
 217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
 Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
 Email: aac@dng.vnn.vn  
 Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
 47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
 Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
 Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 271/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông  
 Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/02/2011 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

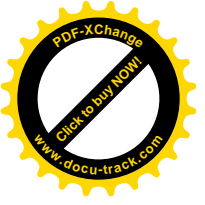
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

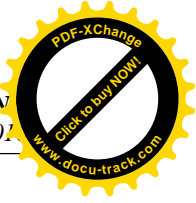
### KT.Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Lê Khắc Minh**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

\_\_\_\_\_  
**Trần Thị Nở**  
 Kiểm toán viên  
 Chứng chỉ KTV số 1135/KTV



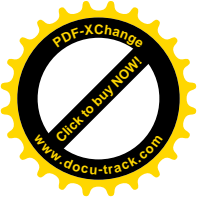


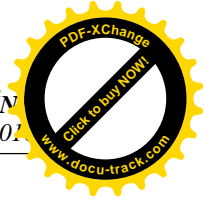
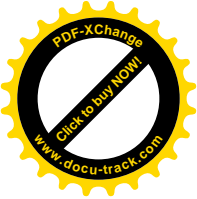


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.129.872.473</b>	<b>21.902.027.910</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.047.965.452</b>	<b>6.398.442.499</b>
1. Tiền	111	5	1.047.965.452	4.398.442.499
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	1.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.145.181.959</b>	<b>6.232.895.584</b>
1. Phải thu khách hàng	131		8.102.284.397	9.468.059.486
2. Trả trước cho người bán	132		47.223.500	1.320.500
3. Các khoản phải thu khác	135	8	7.333.333	10.388.889
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(1.011.659.271)	(3.246.873.291)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>7.936.725.062</b>	<b>3.267.874.375</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.432.107.304	6.492.433.293
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.495.382.242)	(3.224.558.918)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>2.815.452</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.815.452
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>709.830.287</b>	<b>1.016.442.310</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>284.230.287</b>	<b>537.642.310</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	284.230.287	537.642.310
- Nguyên giá	222		1.268.519.997	1.215.217.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(984.289.710)	(677.575.363)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>425.600.000</b>	<b>478.800.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(208.400.000)	(155.200.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>23.839.702.760</b>	<b>22.918.470.220</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.215.605.392</b>	<b>7.582.853.752</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.150.605.392</b>	<b>7.497.853.752</b>
1. Phải trả người bán	312		2.574.128.921	1.652.125.405
2. Người mua trả tiền trước	313		14.828.675	18.942.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.780.455.299	1.007.495.019
4. Phải trả người lao động	315		2.400.778.959	3.867.154.438
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	730.293.313	104.699.603
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		650.120.225	847.436.527
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.000.000</b>	<b>85.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	65.000.000	85.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.624.097.368</b>	<b>15.335.616.468</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15.624.097.368</b>	<b>15.335.616.468</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	609.344.310	435.064.254
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	2.524.338.684	2.410.137.840
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>23.839.702.760</b>	<b>22.918.470.220</b>

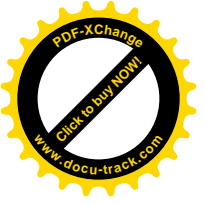
Giám đốc

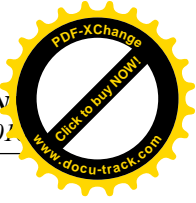
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>27.684.733.309</b>	<b>27.477.833.322</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	15.869.700	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	27.668.863.609	27.477.833.322
4. Giá vốn hàng bán	11	18	17.939.712.208	18.803.042.632
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.729.151.401</b>	<b>8.674.790.690</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.035.671.129	803.120.145
7. Chi phí tài chính	22	20	53.200.000	(151.800.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		952.493.901	777.203.587
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.076.534.429	7.262.875.307
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.682.594.200</b>	<b>1.589.631.941</b>
11. Thu nhập khác	31	21	54.630.034	3.005.968.091
12. Chi phí khác	32	22	47.246.067	477.711.692
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>7.383.967</b>	<b>2.528.256.399</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>23</b>	<b>4.689.978.167</b>	<b>4.117.888.340</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.204.377.042	738.761.758
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>23</b>	<b>3.485.601.125</b>	<b>3.379.126.582</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.486	3.379

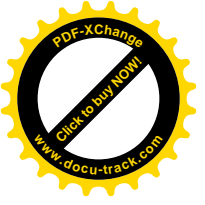
**Giám đốc**

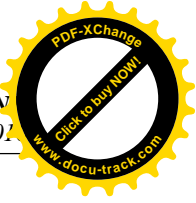
**Kế toán trưởng**

**Ngô Thị Thanh Bình**

**Lê Quang Dũng**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**Mẫu số B 03 - DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2010 VND</b>	<b>Năm 2009 VND</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	29.160.070.186	27.096.989.681
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(24.141.374.729)	(22.793.926.072)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.812.844.400)	(3.783.355.310)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(938.761.758)	(641.475.795)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	443.636.322	3.005.968.091
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(477.129.353)	(581.746.574)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.766.403.732)</b>	<b>2.302.454.021</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(124.950.000)	(61.162.224)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	2.150.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.038.726.685	201.189.589
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>915.926.685</b>	<b>(2.859.972.635)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.500.000.000)	(900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.500.000.000)</b>	<b>(900.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.350.477.047)</b>	<b>(1.457.518.614)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.398.442.499</b>	<b>7.855.961.113</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.047.965.452</b>	<b>6.398.442.499</b>

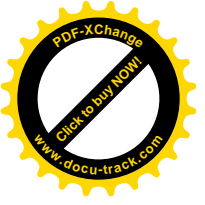
**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

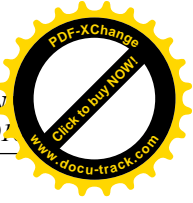
**Ngô Thị Thanh Bình**

**Lê Quang Dũng**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011







## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Nghành nghề kinh doanh chính*

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### *4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền*

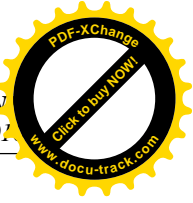
Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### *4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6. Tài sản cố định hữu hình**

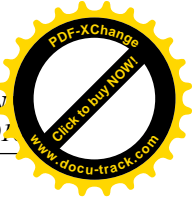
#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### **4.7. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước.**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9. Chi phí vay.**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

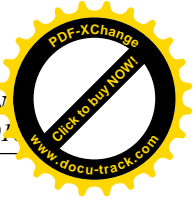
Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.10. Phân phối lợi nhuận thuần.**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.13. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang áp dụng**

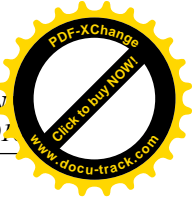
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Thuế Giá trị gia tăng: Các loại sách cho Đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.14. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## **5. Tiền**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	133.289.214	15.523.520
Tiền gửi ngân hàng	914.676.238	4.382.918.979
<b>Cộng</b>	<b>1.047.965.452</b>	<b>4.398.442.499</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	1.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

### 7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cho NXB Giáo dục Việt Nam vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

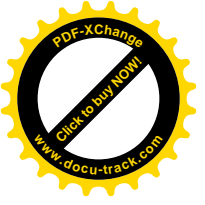
Cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 20/HĐVV ngày 16/02/2009 và Phụ lục của hợp đồng số 922/HĐVV ký ngày 23/07/2007. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng tính từ ngày ký và việc gia hạn thêm (nếu có) sẽ được thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng. Lãi suất 10,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo thỏa thuận bằng văn bản của 2 bên.

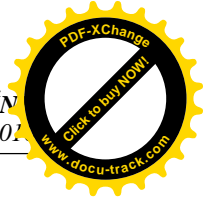
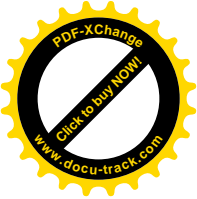
### 8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	7.333.333	10.388.889
Phải thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.333.333</b>	<b>10.388.889</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 1 năm	82.165.208	1.232.615.392
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	929.494.063	2.014.257.899
<b>Cộng</b>	<b>1.011.659.271</b>	<b>3.246.873.291</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.216.770	-
Thành phẩm	10.265.714.844	6.335.978.585
Hàng hóa	147.175.690	156.454.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.495.382.242)	(3.224.558.918)
<b>Cộng</b>	<b>7.936.725.062</b>	<b>3.267.874.375</b>

### 11. Tài sản cố định hữu hình

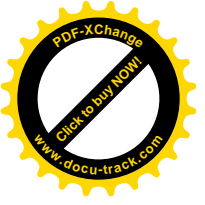
	P.tiền vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.009.219.000	205.998.673	1.215.217.673
Mua sắm trong năm	-	113.590.909	113.590.909
T/lý, nhượng bán	-	60.288.585	60.288.585
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.009.219.000</b>	<b>259.300.997</b>	<b>1.268.519.997</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	532.738.914	144.836.449	677.575.363
Khấu hao trong năm	300.980.410	66.022.522	367.002.932
T/lý, nhượng bán	-	60.288.585	60.288.585
<b>Số cuối năm</b>	<b>833.719.324</b>	<b>150.570.386</b>	<b>984.289.710</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	476.480.086	61.162.224	537.642.310
<b>Số cuối năm</b>	<b>175.499.676</b>	<b>108.730.611</b>	<b>284.230.287</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 190.897.864 đồng.

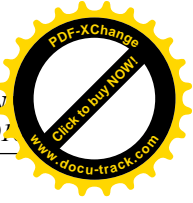
### 12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư CP CT CP Sách&TBTH TP Hồ Chí Minh (STC) (*)	634.000.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Công ty STC) (**)	(208.400.000)	(155.200.000)
<b>Cộng</b>	<b>425.600.000</b>	<b>478.800.000</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2010 Công ty đang sở hữu 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã







## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chứng khoán STC. Giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2010 là 11.200 đồng/cổ phiếu.

(\*\*) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ;
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 31/12/2010 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đầu tư.

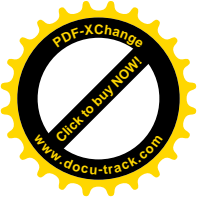
### **13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

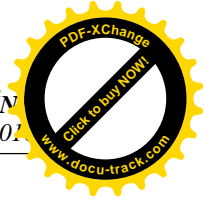
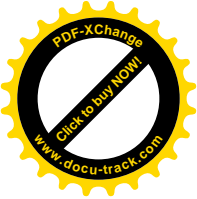
	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	572.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.004.377.042	738.761.758
Thuế thu nhập cá nhân	775.505.689	268.733.261
<b>Cộng</b>	<b><u>1.780.455.299</u></b>	<b><u>1.007.495.019</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### **14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	133.260.096	104.699.603
Bảo hiểm xã hội	266.467	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	596.766.750	-
- Tiền nhuận bút sách	564.352.500	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Phải trả khác	32.414.250	-
<b>Cộng</b>	<b><u>730.293.313</u></b>	<b><u>104.699.603</u></b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 15. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền đặt cọc mua bán sách	65.000.000	85.000.000
Phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000</b>	<b>85.000.000</b>

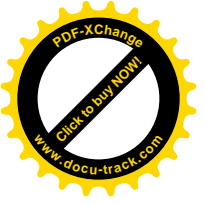
### 16. Vốn chủ sở hữu

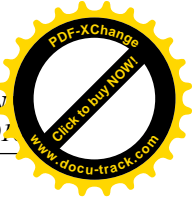
#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>600.414.374</b>	<b>266.107.925</b>	<b>944.749.232</b>
Tăng trong năm	-	-	-	168.956.329	3.379.126.582
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.913.737.974
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>600.414.374</b>	<b>435.064.254</b>	<b>2.410.137.840</b>
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>600.414.374</b>	<b>435.064.254</b>	<b>2.410.137.840</b>
Tăng trong năm	-	-	-	174.280.056	3.485.601.125
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.371.400.281
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>600.414.374</b>	<b>609.344.310</b>	<b>2.524.338.684</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

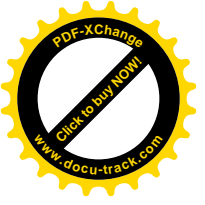
### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.410.137.840	944.749.232
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước		
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.485.601.125	3.379.126.582
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	3.371.400.281	1.913.737.974
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.700.000.000	900.000.000
- Chia cổ tức	1.700.000.000	900.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	1.671.400.281	1.013.737.974
- Trích quỹ dự phòng tài chính	174.280.056	168.956.329
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	697.120.225	844.781.645
- Chia cổ tức	800.000.000	
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>2.524.338.684</b>	<b>2.410.137.840</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo phương án phân phối lợi nhuận trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 26/ĐH&DN ngày 04 tháng 04 năm 2010.

### 17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu	27.684.733.309	27.477.833.322
+ Sách Đại học - Dạy nghề	21.124.078.630	22.176.442.171
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	754.743.928	4.328.843.328
+ Sách tham khảo mua ngoài	4.758.547.216	463.152.509
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	1.047.363.535	509.395.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	15.869.700	-
+ Giảm giá hàng bán (Sách Đại học - Dạy nghề)	15.869.700	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.668.863.609</b>	<b>27.477.833.322</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 18. Giá vốn hàng bán

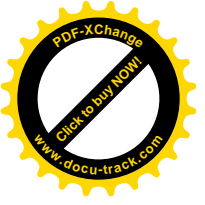
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	12.888.991.601	13.861.101.657
Giá vốn sách liên kết phát hành trọn gói	356.192.927	2.529.490.746
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	4.635.850.861	437.902.830
Giá vốn sổ sách chuyên môn có thuế	787.853.495	365.128.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(729.176.676)	1.609.419.159
<b>Cộng</b>	<b>17.939.712.208</b>	<b>18.803.042.632</b>

### 19. Doanh thu hoạt động tài chính

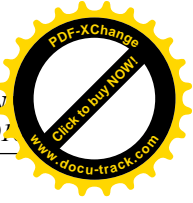
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi	264.142.196	144.189.589
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.995.600	57.000.000
Lãi cho vay	718.200.000	591.541.667
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	7.333.333	10.388.889
<b>Cộng</b>	<b>1.035.671.129</b>	<b>803.120.145</b>

### 20. Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	53.200.000	(151.800.000)
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.200.000</b>	<b>(151.800.000)</b>







## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Thu nhập khác

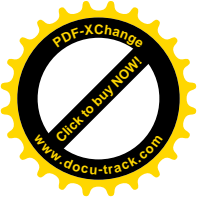
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	1.954.545	-
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	2.773.500	-
Thu nhập từ xử lý kiểm kê cuối năm	40.299.184	-
Thu nhập từ xử lý công nợ nhỏ lẻ	476.279	-
Thu nhập từ đền bù thiệt hại sách do lũ lụt từ Bảo hiểm	-	3.005.059.000
Thu nhập khác	9.126.526	909.091
<b>Cộng</b>	<b>54.630.034</b>	<b>3.005.968.091</b>

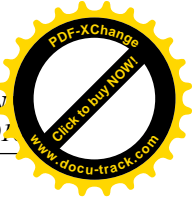
### 22. Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thiệt hại sách do lũ lụt	-	467.890.192
Xử lý kiểm kê cuối năm	46.571.325	-
Chi phí khác	674.742	9.821.500
<b>Cộng</b>	<b>47.246.067</b>	<b>477.711.692</b>

### 23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.689.978.167	4.117.888.340
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	127.530.000	103.607.419
<i>Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)</i>	<i>173.525.600</i>	<i>160.607.419</i>
<i>Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)</i>	<i>45.995.600</i>	<i>57.000.000</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	4.817.508.167	4.221.495.759
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.204.377.042	1.055.373.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	316.612.182
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.204.377.042	738.761.758
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>3.485.601.125</b>	<b>3.379.126.582</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

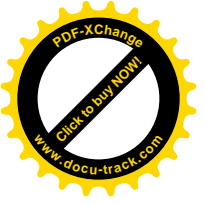
### 24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

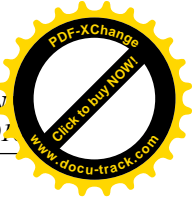
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.485.601.125	3.379.126.582
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.485.601.125	3.379.126.582
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.486</b>	<b>3.379</b>

### 25. Các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBDG Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBDG Miền Trung	Chung Công ty đầu tư



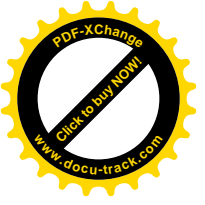


## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng SGK	1.095.009.300	1.395.760.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	630.982.665	1.338.296.880
			-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách ĐH-DN	266.908.535	544.316.420
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách ĐH-DN	2.401.550.499	3.964.146.398
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách ĐH-DN	80.492.681	575.386.256
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách ĐH-DN	88.555.997	206.054.105
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Cung ứng sách ĐH-DN	23.894.655	475.130.150
Công ty CP Sách và TBDG Miền Bắc	Cung ứng SGK	1.948.459.505	-
Công ty CP Sách và TBDG Miền Trung	Cung ứng SGK	532.785.225	-
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua tem chống giả	509.617.469	422.614.567
	Tiền điện, thuê nhà		
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	96.191.000	46.670.520
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	38.543.349	114.294.700
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	313.906.618	147.950.620
Công ty CP Học liệu	Mua sách giáo khoa	432.332.575	-
	Tiền điện, thuê nhà		
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Mua sách giáo khoa	1.125.498.458	-
Công ty CP In Diên Hồng	Tiền in sách ĐH-DN	1.035.023.399	1.041.439.972
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	2.380.261.809	2.009.392.585
Công ty CP Sách và TBDG Miền Trung	Mua sách tham khảo	12.973.191	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Thu nhập từ lãi cho vay	707.500.000	591.541.667





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2010**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Phải thu VND</b>	<b>Phải trả VND</b>
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay	6.000.000.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	464.684.700	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	297.268.435	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	127.869.535	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	1.130.542.079	-
Công ty CP Học liệu	Phải thu khách hàng	268.485.162	-
Công ty CP Sách và TBDG Miền Bắc	Phải thu khách hàng	348.459.505	-
Công ty CP Sách và TBDG Miền Trung	Phải thu khách hàng	219.163.375	-
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	-	68.514.145
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	200.000.000
Công ty CP In Diên Hồng	Phải trả người bán	-	100.000.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	100.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>8.587.987.629</u></b>	<b><u>468.514.145</u></b>

**26. Cổ tức**

Trong năm, Công ty quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 với tỷ lệ là 17%/Vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 ngày 04/04/2010. Theo đó số cổ tức đã được chi trả trong năm 2010 là 1.700.000.000 đồng và tạm chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 8%/Vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 98/NQ-ĐH&DN ngày 16/08/2010.

**27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**28. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Ngô Thị Thanh Bình**

**Lê Quang Dũng**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

